TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-10-2019
"V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đình Duy .
2. Ông Bùi Đức Thuận.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thành Trọng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê B, sinh năm 1963.
Trú tại: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Kim Y, sinh năm 1970.
Trú tại: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin không công nhận quan hệ vợ chồng) ngày 26 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Lê B trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Kim Y tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau; được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức đám cưới vào năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn và cùng thời điểm trên hai bên về chung sống với nhau. Lý do hai bên không đăng ký kết hôn được là vì bà Y mới 16 tuổi theo giấy khai sinh nhưng thực

tế bà Y đã đủ 18 tuổi (bà Yến khai sinh nhỏ hơn hai tuổi). Sau đó vì lo làm ăn nên vợ chồng cũng quên không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới ông và bà Y chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra việc kình cãi rồi có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau. Bà Y bỏ về ở phía cha mẹ bà và vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, không quan tâm lo lắng gì cho nhau từ đó cho đến nay. Nay ông B xét thấy ông và bà Y không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nhưng hai bên không đăng ký kết hôn nên ông B yêu cầu Tòa không công nhận ông với bà Đỗ Thị Kim Y là vợ chồng.

Về con chung: Ông Lê B và bà Đỗ Thị Kim Y có hai con chung là Lê Thị Kiều T, sinh năm 1987 và Lê Khắc N, sinh năm 1991. Các con chung đã trưởng thành, đã có gia đình riêng tự lo cho bản thân nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Đỗ Thị Kim Y tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại văn bản ngày 06/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Đỗ Thị Kim Y trình bày:

Bà thống nhất với ông Lê B trình bày về việc hai bên quen biết nhau, được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới theo phong tục, rồi về chung sống với nhau từ năm 1986 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Đến năm 2015 thì hai bên mâu thuẫn trầm trọng vì bất đồng quan điểm sống, có lỡi lẽ xúc phạm nhau. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, không quan tâm lo lắng gì cho nhau. Nay ông B yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, bà Y đồng ý.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Kim Y và ông Lê B có hai con chung là Lê Thị Kiều T, sinh năm 1987 và Lê Khắc N, sinh năm 1991. Các con chung hiện nay đã trưởng thành, tự lo cho bản thân nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Kim Y và ông Lê B tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại văn bản ngày 31/7/2019, Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tây Sơn cung cấp: ông Lê B và bà Đỗ Thị Kim Y chung sống với nhau từ năm 1986 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sư. Về nội dung giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu của đương sự: không công nhận ông Lê B và bà Đỗ Thị Kim Y là vợ chồng; về con chung và tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên miễn xét; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Kim Y có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê B và bà Đỗ Thị Kim Y chung sống với nhau từ năm 1986 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi về chung sống với nhau một thời gian gần 30 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do các bên bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra việc xúc phạm lẫn nhau. Từ đó, tình cảm giữa hai bên bị rạn nứt, không thể hàn gắn được, không còn thương yêu nhau nữa. Ông B và bà Y thống nhất yêu cầu Tòa không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ và phù hợp với Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Lê B và bà Đỗ Thị Kim Y có hai con chung là Lê Thị Kiều T, sinh năm 1987 và Lê Khắc N, sinh năm 1991. Các con chung đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung**:** Vợ chồng tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Toà giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp trước 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006256 ngày 06/6/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận ông Lê B và bà Đỗ Thị Kim Y là vợ chồng.

2. Về con chung:

Vợ chồng có con hai con chung là Lê Thị Kiều T, sinh năm 1987; Lê Khắc N, sinh năm 1991. Các con chung đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

3. Về tài sản chung:

Các bên không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Ông Lê B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp trước 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

theo biên lai số 0006256 ngày 06/6/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu. Ông B đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Đỗ Thị Kim Y vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Phương Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cụcTHA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.